

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kinh phí và bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã và khối tỉnh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

*Thực hiện Kết luận số 195-KL/TW ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Công văn số 9797-CV/BTCTW ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Kết luận 192-KL/TW và 195-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư;*

*Căn cứ Công văn số 15041/BTC-KTN ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Kết luận số 195-KL/TW của Bộ Chính trị;*

*Theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương<sup>1</sup> và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2563/STC-QLNS ngày 30 tháng 9 năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí và bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã và khối tỉnh, với kinh phí là **269.127.229.624 đồng** như Phụ lục 01 kèm theo. Trong đó:

1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP

---

<sup>1</sup> Xã Dục Nông (Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 29/8/2025), phường Kon Tum (Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 29/8/2025), xã Đắk Tô Kan (Công văn số 403/UBND-PKT ngày 29/8/2025), phường Đắk Bla (Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 28/8/2025 và Công văn số 328/UBND-VHXXH ngày 29/8/2025), xã Ngọc Bay (Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 29/8/2025), phường Đắk Cẩm (Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 28/8/2025), xã Ia Chim (các Tờ trình: số 27/TTr-UBND ngày 30/8/2025 và số 29/TTr-UBND ngày 08/9/2025), xã Đắk Rơ Wa (Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 08/9/2025), xã Đắk Long (Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 03/9/2025), xã Tu Mơ Rông (Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 09/9/2025), xã Đắk Plô (Công văn số 361/UBND-KT ngày 08/9/2025), xã Ba Tơ (Công văn số 418/UBND-KT ngày 09/9/2025), xã Tây Trà (Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 05/9/2025), phường Sa Huỳnh (Công văn số 261/UBND ngày 29/8/2025), xã Sơn Kỳ (Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 04/9/2025), xã Minh Long (Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 28/8/2025), xã Đình Cương (Công văn số 422/UBND ngày 29/8/2025), xã Sơn Linh (các Tờ trình: số 15/TTr-UBND ngày 31/8/2025 và số 17/TTr-UBND ngày 04/9/2025), xã Đặng Thùy Trâm (Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 04/9/2025), xã Thọ Phong (Công văn số 439/UBND-KT ngày 04/0/2025), phường Trương Quang Trọng (Công văn số 354/UBND ngày 03/0/2025), xã Ba Gia (Công văn số 267/UBND ngày 29/0/2025), xã Bình Sơn (Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 03/0/2025 và Công văn số 529/UBND-VHXXH ngày 30/0/2025), xã Lân Phong (Công văn số 315/UBND-KT ngày 03/0/2025), xã Nguyễn Nghiêm (Công văn số 413/UBND ngày 03/9/2025), xã Mô Rai (Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 03/9/2025), xã Đắk Sao (Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 28/8/2025), xã Ngọc Tụ (Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 05/9/2025), xã Đắk Pxi (Công văn số 348/UBND-PKT ngày 04/9/2025), xã Sa Loong (Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 09/9/2025), xã Đắk Long (Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 09/9/2025), xã Bờ Y (Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 12/9/2025), xã Kon Đào (Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 10/9/2025), xã An Phú (Công văn số 698/UBND ngày 10/9/2025), xã Sơn Tây (Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 26/8/2025), xã Trường Giang (Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 09/9/2025), xã Măng Ri (các Tờ trình: số 45/TTr-UBND ngày 10/9/2025 và số 53/TTr-UBND ngày 17/9/2025), xã Đắk Pék (Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 17/9/2025), xã Đắk Hà (Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 05/9/2025), xã Đắk Môn (Công văn số 371/UBND-KT ngày 18/9/2025), xã Ngọc Linh (Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 18/9/2025), Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (Công văn số 104/VP-HCTQT ngày 15/8/2025), Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 3196/SNNMT-KHTC ngày 15 tháng 9 năm 2025), Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (Văn bản số 2012/TTQĐ-HC ngày 12 tháng 9 năm 2025), xã Xốp (Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 19/9/2025), xã Măng Bút (Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 19/9/2025), xã Tư Nghĩa (Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 22/9/2025), xã Bờ Y (Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 12/9/2025), xã Sơn Tây Thượng (Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 26/9/2025).

ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã và khối tỉnh với tổng kinh phí là **268.842.262.499 đồng** (*Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*). Nguồn kinh phí thực hiện:

- a) Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025 là 251.074.408.572 đồng.
- b) Từ nguồn cải cách tiền lương của cấp xã năm 2025 là 14.688.464.061 đồng.
- c) Kinh phí chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác là 3.079.389.866 đồng.

2. Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã, với tổng kinh phí là **284.967.125 đồng** (*Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm*). Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và UBND các xã, phường: Dục Nông, Kon Tum, Đắk Tô Kan, Đắk Bla, Ngọc Bay, Đắk Cẩm, Ia Chim, Đắk Rơ Wa, Đắk Long, Tu Mơ Rông, Đắk Plô, Ba Tơ, Tây Trà, Sa Huỳnh, Sơn Kỳ, Minh Long, Đình Cương, Sơn Linh, Đặng Thùy Trâm, Trương Quang Trọng, Ba Gia, Bình Sơn, Lân Phong, Nguyễn Nghiêm, Mô Rai, Đắk Sao, Ngọc Tụ, Đắk Pxi, Sa Loong, Đắk Long, Bờ Y, Kon Đào, An Phú, Trường Giang, Măng Ri, Đắk Pék, Đắk Hà, Đắk Môn, Ngọc Linh, Xốp, Măng Bút, Tư Nghĩa, Sơn Tây Thượng và Bờ Y theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thọ Phong, Trương Quang Trọng, Sơn Tây sử dụng nguồn cải cách tiền lương của cấp xã để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương của cấp xã và chịu trách nhiệm về số liệu đề nghị thực hiện chính sách.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và UBND các xã, phường: Dục Nông, Kon Tum, Đắk Tô Kan, Đắk Bla, Ngọc Bay, Đắk Cẩm, Ia Chim, Đắk Rơ Wa, Đắk Long, Tu Mơ Rông, Đắk Plô, Ba Tơ, Tây Trà, Sa Huỳnh, Sơn Kỳ, Minh Long, Đình Cương, Sơn Linh, Đặng Thùy Trâm, Trương Quang Trọng, Ba Gia, Bình Sơn, Lân Phong, Nguyễn Nghiêm, Mô Rai, Đắk Sao, Ngọc Tụ, Đắk Pxi, Sa Loong, Đắk Long, Bờ Y, Kon Đào, An Phú, Trường Giang, Măng Ri, Đắk Pék, Đắk Hà, Đắk Môn, Ngọc Linh, Xốp, Măng Bút, Tư Nghĩa, Sơn Tây Thượng và Bờ Y sử dụng nguồn kinh phí được cấp để thực hiện chính sách tại

Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về số liệu đề nghị thực hiện chính sách.

4. Ủy ban nhân dân xã Đăk Hà chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn xã sử dụng nguồn kinh phí từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về số liệu đề nghị thực hiện chính sách.

5. Kho bạc Nhà nước Khu vực XV có trách nhiệm kiểm soát chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Dục Nông, Kon Tum, Đăk Tô Kan, Đăk Bla, Ngọc Bay, Đăk Cẩm, Ia Chim, Đăk Rơ Wa, Đăk Long, Tu Mơ Rông, Đăk Plô, Ba Tơ, Tây Trà, Sa Huỳnh, Sơn Kỳ, Minh Long, Đình Cương, Sơn Linh, Đặng Thùy Trâm, Trương Quang Trọng, Ba Gia, Bình Sơn, Lân Phong, Nguyễn Nghiêm, Mô Rai, Đăk Sao, Ngọc Tụ, Đăk Pxi, Sa Loong, Đăk Long, Bờ Y, Kon Đào, An Phú, Trường Giang, Măng Ri, Đăk Pék, Đăk Hà, Đăk Môn, Ngọc Linh, Xốp, Măng Bút, Thọ Phong, Trương Quang Trọng, Sơn Tây, Tư Nghĩa, Sơn Tây Thượng và Bờ Y và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP<sub>(NC)</sub>;
- Lưu: VT, NC<sub>TTTT.PKD</sub>.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng Giang**